

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TN  
TỈNH TN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/HNGĐ - ST  
Ngày 06 tháng 9 năm 2021  
"V/v: Tranh chấp Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Huệ

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Xuân Viện  
2. Ông Lê Văn Ninh

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Vũ Thuỳ Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 221/2021/TLST-LH ngày 05 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXX-ST ngày 05/7/2021 giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Phạm Chí L, sinh năm 1990

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1994

**Đều ĐKKHKT:** tổ 4, phường Tr, thành phố TN

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và tại phiên tòa anh Phạm Chí L trình bày*

Anh L và chị G kết hôn năm 2018, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố TN. Sau khi cưới một năm thì thường xuyên mâu thuẫn về quan điểm sống và quan điểm nuôi dạy con cái, nhiều vấn đề khác nên xảy ra cãi vã, có xô sát nhau. Sau nhiều lần được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không cải thiện tình cảm, tháng 9 năm 2020 chị G chuyển nhà mẹ đẻ ở một vài tháng lại quay về, cứ như vậy chị G đi, về hai đến ba lần, lần cuối cùng chị G quay về anh L không đồng ý, chị G dọa đưa con đi tự tử, nên anh L đồng ý cho quay về và anh L thuê nhà ra ở riêng. Đến nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Hai vợ chồng có một con chung cháu Phạm L Đ, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2020, anh L nhất trí chị G nuôi con, nếu chị G không nuôi con

chung anh L nuôi, về cấp dưỡng nuôi con anh L cấp dưỡng cho con 2.000.000đ/1 tháng. Về phần tài sản chung, nợ chung, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, về án phí ly hôn anh L nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Nhà nước

*Tại bản tự khai và quá trình hoà giải chị Nguyễn Thị Hương G trình bày:*

Chị G xác định nội dung kết hôn như anh L khai tại phiên hoà giải là đúng, hai bên tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố TN. Quá trình chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng thì từ sau khi sinh con anh L thường xuyên bận việc về muộn không có thời gian chăm sóc vợ con, bản thân chị G có cầu nhàu, do áp lực công việc và cuộc sống gia đình có con nhỏ nên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến anh L muốn ly hôn. Khi mâu thuẫn vợ chồng, chị G có chuyển về bố mẹ đẻ nhưng đều xin phép gia đình nhà chồng và được đưa về, cuối tháng 12 anh L gây gổ nên chị G tự về nhà bố mẹ đẻ khoảng 1 đến 2 tuần lại quay lại nhà chồng, chị G cho rằng vẫn còn tình cảm với anh L nên chưa đồng ý ly hôn đề nghị Tòa hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con nhỏ. Về con chung: Nếu anh L cương quyết ly hôn chị G xin được nuôi con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ/tháng. Tài sản chung, nợ chung chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành hoà giải vụ án, tuy nhiên anh L cho rằng mâu thuẫn trầm trọng không thể đoàn tụ gia đình, ngày 29/6/2021 Tòa án tiếp tục tiến hành hoà giải, tuy nhiên chị G vắng mặt không lý do; anh L có đơn đề nghị đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên chị G không có mặt tại phiên hòa giải ngày 29/6/2021 nên Tòa án không thể hòa giải được. Do vậy phải mở phiên tòa xét xử hôm nay.

Tại phiên tòa, anh Phạm Chí L giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Nguyễn Thị Hương G, lý do đã ly thân nhau lâu, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và tình cảm vợ chồng không còn.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021 chị G có đơn xin xét xử vắng mặt lý do hiện nay chị G Đăng công tác tại Ngân hàng VPBank chi nhánh Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, do trong vùng dịch không thể về được nên đề nghị xét xử vắng mặt. Quan điểm của chị G đề nghị được nuôi con lý do hiện cháu còn nhỏ Đăng ở với chị, về cấp dưỡng nuôi con đề nghị xử theo pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục đúng theo Điều 329 của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa anh Phạm Chí L xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng anh L đã ly thân chị G và chuyển ra ngoài ở thời gian khoảng tháng 9/2020, nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, ban đầu chị G không đồng ý, tuy nhiên ngày 31/8/2021 chị G có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời có ý kiến được nuôi con chung. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh L, chị G đã trầm

trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung: Giao cháu Phạm L Đ, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2020 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh L có quyền đi lại, thăm nom con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị G đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh L nhất trí được cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng là phù hợp. Về phần tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Phạm Chí L, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”; Nguyên đơn và bị đơn có địa chỉ tại tổ 04, phường Tr, thành phố TN nên xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị Hương G để tham gia tố tụng. Tuy nhiên chị G có đơn xin xét xử vắng mặt lý do trong vùng dịch. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử Quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Hương G

#### **[2] Về nội dung:**

**2.1. Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Hương G và anh Phạm Chí L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố TN là cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn: Sau khi chị G sinh con anh L thường xuyên bận việc về muộn, không có thời gian chăm sóc chị G, từ đó hai vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến có xô sát nhau; sau nhiều lần được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không cải thiện tình cảm, cuối năm 2020 anh L đã chuyển ra ngoài ở, không quan tâm đến chị G. Quá trình giải quyết vụ án, chị G cũng xác định có sự việc nêu trên. Nay chị G xác định vẫn còn tình cảm với anh L. Tuy nhiên anh L nhất quyết xin ly hôn, xác định đã ly thân chị G không quan tâm đến nhau là thực tế. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị G đã đến mức trầm trọng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên nên cần chấp nhận đơn khởi kiện về ly hôn của anh Phạm Chí L, cho anh L được ly hôn với chị G là hợp với thực tế và đúng quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình.

**[2.2] Về con chung:** Anh L, chị G có 01 con chung là cháu Phạm L Đ, sinh ngày 11/3/2020, hiện nay cháu Đ còn nhỏ, chị G Đg nuôi con, nên cần giao cháu Đ cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Sau khi ly hôn anh L có quyền đi lại, thăm nom con chung theo quy định.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị G đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, anh L đề nghị được cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng là phù hợp.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Anh L không yêu cầu giải quyết, quá trình hoà giải chị G không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

**[3] Về án phí:** Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

*Vì các lý trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217; Điều 218; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm chí L về việc "Ly hôn"

- Quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Chí L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hương  
G

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hương G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm L Đ, sinh ngày 11/3/2020, đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh L có quyền đi lại, thăm nom con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Phạm L Đ, sinh ngày 11/3/2020 với mức 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con từ tháng 9/2021.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Án phí: Anh Phạm Chí L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con

vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000408 ngày 05/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, anh L, còn phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- UBND phường Tr, TPTN
- Đương Sự;
- Lưu HS.BP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thu Huệ**









